

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Số: **3492** /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu đất thuộc khuôn viên nhà máy nước Thủ Đức, phường Linh Trung, quận Thủ Đức

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư số 01/2011/TT-BXD ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Bộ Xây dựng hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 24/2010/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 28/2011/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về điều chỉnh quy hoạch đô thị tại thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 62/2012/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định liên quan đến quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 5759/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về duyệt đề án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận Thủ Đức;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 3290/TTr-SQHKT ngày 10 tháng 7 năm 2018 về duyệt đề án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu đất thuộc khuôn viên nhà máy nước Thủ Đức, phường Linh Trung, quận Thủ Đức,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt đề án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu đất thuộc khuôn viên nhà máy nước Thủ Đức, phường Linh Trung, quận Thủ Đức, với các nội dung chính như sau:

1. Địa điểm, vị trí, diện tích và phạm vi ranh giới khu vực quy hoạch:

- Khu đất thuộc phường Linh Trung, quận Thủ Đức, được Ủy ban nhân dân thành phố cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T00008/1a/QSDD/393/UB ngày 12 tháng 5 năm 2000, gồm 02 lô đất:

+ Lô số 1: xác định theo bản đồ hiện trạng vị trí đo đạc theo hợp đồng số 09328/ĐĐBD-VPQ2 do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 28 tháng 4 năm 2017.

+ Lô số 2: xác định theo bản đồ hiện trạng vị trí số 43286 GD-TNMT do Công ty TNHH đo đạc Địa Tỉnh lập và được xác nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường ngày 02 tháng 8 năm 2012.

- Vị trí và ranh giới khu vực quy hoạch:

+ Phía Tây Bắc : giáp khu dân cư hiện hữu và đường Lê Văn Chí.

+ Phía Đông Bắc : giáp khu dân cư hiện hữu.

+ Phía Tây Nam : giáp đường Lê Văn Chí.

+ Phía Đông Nam : giáp xa lộ Hà Nội và nhà máy nước BOO Thủ Đức.

- Tổng diện tích khu vực quy hoạch: 418.222,0 m².

- Tính chất của khu vực quy hoạch: công trình hạ tầng kỹ thuật (Nhà máy nước sạch).

2. Đơn vị tổ chức lập đề án quy hoạch:

Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên.

3. Đơn vị tư vấn lập đề án quy hoạch:

Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Đầu tư Xây dựng BMT.

4. Hồ sơ, bản vẽ quy hoạch gồm:

- Thuyết minh tổng hợp.

- Thành phần bản vẽ, bao gồm:

+ Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất, tỷ lệ 1/2.000.

+ Bản đồ hiện trạng về kiến trúc, cảnh quan và đánh giá đất xây dựng, tỷ lệ 1/500.

+ Bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường; tỷ lệ 1/500.

+ Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất, tỷ lệ 1/500.

- + Bản đồ tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan, tỷ lệ 1/500.
- + Bản đồ chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng và hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật, tỷ lệ 1/500.
- + Bản vẽ quy định việc kiểm soát về kiến trúc cảnh quan trong khu vực lập quy hoạch, tỷ lệ 1/500.
- + Bản đồ quy hoạch hệ thống giao thông, tỷ lệ 1/500.
- + Bản đồ quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt, tỷ lệ 1/500.
- + Bản đồ quy hoạch cấp nước, tỷ lệ 1/500.
- + Bản đồ quy hoạch thoát nước thải và xử lý chất thải rắn, tỷ lệ 1/500.
- + Bản đồ quy hoạch cấp điện và chiếu sáng đô thị, tỷ lệ 1/500.
- + Bản đồ quy hoạch thông tin liên lạc, tỷ lệ 1/500.
- + Bản đồ đánh giá môi trường chiến lược, tỷ lệ 1/500.
- + Bản đồ tổng hợp đường dây đường ống, tỷ lệ 1/500.
- Dự thảo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu đất thuộc khuôn viên nhà máy nước Thủ Đức tại phường Linh Trung, quận Thủ Đức.

5. Cơ cấu sử dụng đất toàn khu vực quy hoạch:

STT	Chức năng	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Đất xây dựng công trình	179.850,3	43,00
1	Công trình nhà máy nước xử lý nước và công trình phụ trợ	64.678,8	15,47
2	Nhà hành chính, dịch vụ	6.239,9	1,49
3	Nhà dịch vụ công nhân	1.050,0	0,25
4	Trung tâm kiểm nghiệm chất lượng nước	580,0	0,14
5	Bể chứa	102.617,2	24,54
6	Kho phụ trợ	3.585,7	0,86
7	Nhà để xe	1.031,0	0,25
8	Nhà bảo vệ	67,7	0,02
II	Đất cây xanh	154.727,4	37,00
1	Đất cây xanh, hồ nước cảnh quan	140.461,3	33,59
2	Đất cây xanh cách ly	14.266,1	3,41
III	Đất giao thông, sân bãi	83.644,3	20,00
Tổng cộng		418.222,0	100,00

6. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật các khu chức năng:

- Mật độ xây dựng toàn khu : khoảng 43%.
- Tầng cao tối đa : 5 tầng.
- Tầng cao tối thiểu : 1 tầng.
- Hệ số sử dụng đất toàn khu : 0,52 lần.

STT	Chức năng công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao tối đa (tầng)	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Công trình nhà máy nước xử lý nước và công trình phụ trợ	64.678,8	1-2	92.486,8
	Công trình Nhà máy xử lý nước Thủ Đức	29.023,5	1-2	29.777,6
	- Bể tiếp nhận nước	279,3	1	279,3
	- Nhà Clo và nhà hóa chất	2.178,2	1	2.178,2
	- Cụm bể lắng	20.902,0	1	20.902,0
	- Cụm bể lọc	3.447,0	1	3.447,0
	- Nhà xử lý bùn	1.308,1	1	1.308,1
	- Trạm điện	154,8	1	154,8
	- Trạm bơm cấp 2 (*)	-	2	-
	- Phân xưởng bảo trì sửa chữa	754,1	2	1.508,2
	Công trình Nhà máy xử lý nước Thủ Đức 3	15.416,3	1-2	27.455,2
	- Bể tiếp nhận nước	436,8	1	436,8
	- Nhà Clo	383,9	1	383,9
	- Cụm bể lắng	5.488,3	2	10.976,6
	- Cụm bể lọc	6.550,6	2	13.101,2
	- Nhà hóa chất	651,1	1	651,1
	- Nhà xử lý bùn	732,0	1	732,0
	- Trạm điện	510,4	1	510,4
	- Trạm bơm cấp 2	663,2	1	663,2
	Công trình Nhà máy xử lý nước Thủ Đức 4	8.743,0	1-2	15.148,0
	- Bể tiếp nhận nước	360,0	1,0	360,0
	- Nhà Clo	240,0	1,0	240,0
	- Cụm bể lắng	2.975,0	2,0	5.950,0
	- Cụm bể lọc	3.430,0	2,0	6.860,0
	- Nhà hóa chất	420,0	1,0	420,0
	- Nhà xử lý bùn	350,0	1,0	350,0
	- Trạm điện	168,0	1,0	168,0
	- Trạm bơm cấp 2	800,0	1,0	800,0
	Công trình Nhà máy xử lý nước Thủ Đức 5	11.496,0	1-2	20.106,0
	- Bể tiếp nhận nước	500,0	1,0	500,0
	- Nhà Clo	220,0	1,0	220,0

	- Cùm bể lắng	3.990,0	2,0	7.980,0
	- Cùm bể lọc	4.620,0	2,0	9.240,0
	- Nhà hóa chất	500,0	1,0	500,0
	- Nhà xử lý bùn	630,0	1,0	630,0
	- Trạm điện	200,0	1,0	200,0
	- Trạm bơm cấp 2	836,0	1,0	836,0
2	Nhà hành chính, dịch vụ	6.239,9	2-3	12.727,8
	- Nhà hành chính, dịch vụ của NMN Thủ Đức	3.524,4	2,0	7.048,8
	- Nhà hành chính, dịch vụ của NMN Thủ Đức 3	727,5	2,0	1.455,0
	- Nhà hành chính, dịch vụ của NMN Thủ Đức 4	800,0	3,0	2.400,0
	- Nhà hành chính, dịch vụ của NMN Thủ Đức 5	608,0	3,0	1.824,0
	- Nhà hành chính quản lý	580,0	3,0	1.740,0
3	Nhà dịch vụ công nhân	1.050,0	5	5.250,0
	- Nhà dịch vụ công nhân 1	525,0	5,0	2.625,0
	- Nhà dịch vụ công nhân 2	525,0	5,0	2.625,0
4	Trung tâm kiểm nghiệm chất lượng nước	580,0	3	1.740,0
5	Bể chứa	102.617,2	1	102.617,2
6	Kho phụ trợ	3.585,7	1	3.585,7
7	Nhà để xe	1.031,0	1	1.031,0
8	Nhà bảo vệ	67,7	1	67,7
Tổng cộng		179.850,3	1-5	219.506,2
(*) Trạm bơm nằm chung với nhà hành chính, điều hành nên không tính, dành phần diện tích này để tính chỉ tiêu đất hành chính, dịch vụ.				

7. Giải pháp tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan:

- Hướng tiếp cận chính của khu đất được xác định từ đường Lê Văn Chí, Xa lộ Hà Nội vào. Từ các hướng tiếp cận này, tổ chức các trục giao thông theo dạng bàn cờ đảm bảo kết nối thuận tiện, dễ dàng đến từng khu chức năng của nhà máy.

- Toàn khu quy hoạch tổ chức bố trí 04 nhà máy nước hoạt động độc lập, trong đó có 02 nhà máy nước hiện hữu đang vận hành sử dụng ở phía Tây Nam khu đất là nhà máy nước Thủ Đức và nhà máy nước của Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nước sạch Sài Gòn (nhà máy nước Thủ Đức III). Quy hoạch xây dựng mới 02 nhà máy nước Thủ Đức IV và Thủ Đức V ở phía Đông Bắc khu đất nhằm đảm bảo định hướng quy hoạch cấp nước thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025 đã được phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ theo Quyết định số 729/QĐ-TTg ngày 19 tháng 6 năm 2012.

- Mỗi nhà máy nước được tổ chức khoa học, hợp lý với các chức năng thành phần như: bể tiếp nhận nước thô, nhà máy xử lý nước, bể chứa nước sạch, nhà

hành chính dịch vụ, các công trình phụ trợ,... nhằm đảm bảo khả năng vận hành độc lập.

- Hình thức kiến trúc của các nhà máy hiện đại, hài hòa với cảnh quan và môi trường sinh thái của khu vực. Sử dụng vật liệu phù hợp, tăng hiệu quả thẩm mỹ, bảo đảm tính an toàn, bền vững, thân thiện với môi trường.

- Tăng cường tổ chức các không gian cây xanh lớn (cây xanh cách ly) tại các vị trí tiếp giáp đường Lê Văn Chí, Xa lộ Hà Nội, các khu vực xử lý của nhà máy nhằm đảm bảo khoảng cách ly an toàn theo quy định.

8. Nội dung hạ tầng kỹ thuật đô thị:

8.1. Quy hoạch giao thông:

- Lộ giới đường Lê Văn Chí có lộ giới 20m, đường Xa lộ Hà Nội có lộ giới là 113,5m, các tuyến đường nội bộ trong khu quy hoạch có lộ giới từ 8m đến 12m.

- Bảng thống kê các tuyến đường:

STT	Tên đường	Tên mặt cắt	Lộ giới (mét)	Chi tiết mặt cắt (mét)			Chiều dài (mét)
				Hè trái	Lòng đường	Hè phải	
1	Đường N1	1a--1a	12	3	6	3	1.378,9
2	Đường N1.1	1b--1b	12	3	6	3	27,0
3	Đường N2	2--2	8	1	6	1	424,9
4	Đường N3	3--3	10	2	6	2	64,0
5	Đường N4	1b--1b	12	3	6	3	601,4
6	Đường N5	1b--1b	12	3	6	3	470,8
7	Đường N6	2--2	8	1	6	1	224,3
8	Đường D1	1b--1b	12	3	6	3	238,3
9	Đường D2	1b--1b	12	3	6	3	438,8
10	Đường D3	2--2	8	1	6	1	311,5
11	Đường D4	2--2	8	1	6	1	197,2
12	Đường D5	2--2	8	1	6	1	288,0
Tổng cộng							4.665,1

Ghi chú: việc thể hiện tọa độ mốc thiết kế để tạo điều kiện thuận lợi cho việc công bố quy hoạch và cắm mốc giới xây dựng ngoài thực địa nhằm phục vụ quản lý quy hoạch xây dựng theo quy định, Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH Một thành viên và đơn vị tư vấn chịu trách nhiệm về tính chính xác các số liệu trong đồ án này.

8.2. Quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt:

a) Quy hoạch cao độ nền:

- Cao độ nền quy hoạch $H \geq 6,25$ m.

- Giải pháp san nền: san nền cục bộ bám sát cao độ nền hiện trạng.

- Hướng đổ dốc: từ giữa khu đất ra xung quanh.
- Độ dốc nền thiết kế:
 - + Khu công trình: $\geq 1\%$.
 - + Khu cây xanh: $\geq 0,3\%$.

b) Quy hoạch thoát nước mặt:

- Sử dụng mạng lưới cống ngầm để tổ chức thoát nước mưa và thoát ra rạch Suối Đen phía Đông.
- Nổi công theo nguyên tắc ngang đỉnh, độ sâu chôn cống tối thiểu 0,7 m.

8.3. Quy hoạch cấp điện và chiếu sáng đô thị:

- Nguồn cấp điện cho khu quy hoạch được lấy từ trạm 110/15-22kV Thủ Đức và NMN Thủ Đức.
 - Xây dựng mới các trạm 15-22/0,4kV ở các khu nhà máy nước, dùng máy biến thế 3 pha đặt kín trong nhà.
 - Trạm biến thế phân phối 15-22/0,4kV phục vụ các nhà máy nước cũ cần cải tạo và xây dựng mới có tổng công suất đạt khoảng 10.000kVA.
 - Mạng lưới phân phối:
 - + Đường dây trung thế 15kV, cáp ngầm 15kV hiện có sẽ được thay thế dần bằng cáp bọc cách điện XLPE- 24kV chôn ngầm, tiết diện $S \geq 240\text{mm}^2$.
 - + Đường dây phân phối hạ thế được xây dựng ngầm
 - Chiếu sáng lối đi dùng đèn cao áp sodium 150 - 250W - 220V có chóa và cần đèn đặt trên trụ đèn thép tráng kẽm cao 9 - 12m.

8.4. Quy hoạch cấp nước:

- Nguồn cấp nước: sử dụng nguồn nước tự sản xuất trong khuôn viên nhà máy nước Thủ Đức.
 - Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt:
 - + Khu nhà máy và văn phòng : 2 lít/m². sàn.ngày.đêm.
 - + Khu dịch vụ công nhân : 4 lít/m². sàn.ngày.đêm.
 - Tổng nhu cầu dùng nước : 992 m³/ngày.
 - Tiêu chuẩn cấp nước chữa cháy : 15 lít/s/đám cháy, số đám cháy xảy ra đồng thời 01 đám cháy (theo TCVN 2622-1995). Dựa vào hệ thống cấp nước chính của khu quy hoạch mạng dịch vụ bố trí (18) trụ chữa cháy khoảng cách giữa các trụ chữa cháy $\leq 150\text{m}$.
 - Mạng lưới cấp nước: từ các bể chứa nước sạch của các nhà máy xử lý cấp nước trong khuôn viên nhà máy nước Thủ Đức bố trí tuyến ống cấp nước chính có đường kính Ø100 tạo thành mạch vòng, mạch nhánh đảm bảo cung cấp nước cho các đối tượng dùng nước trong khu quy hoạch.

8.5. Quy hoạch thoát nước thải và xử lý chất thải rắn:

a) Quy hoạch thoát nước thải:

- Giải pháp thoát nước thải:
 - + Đối với nước thải sinh hoạt: xây dựng hệ thống cống thoát nước thải riêng và trạm xử lý nước thải cục bộ (theo mô đun công suất $Q = 100 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, để thu gom và xử lý nước thải. Nước thải từ khu vệ sinh phải được xử lý bằng bể tự hoại xây dựng đúng quy cách trước khi xả vào cống thoát nước thải. Nước thải sau

xử lý phải đạt QCVN 14:2008/BTNMT trước khi thoát ra đầu nối vào công thoát nước mưa.

+ Đối với khu xử lý bùn: xây dựng các khu xử lý theo các nhà máy độc lập. Sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT trước khi thoát ra đầu nối vào công thoát nước mưa.

- Tiêu chuẩn thoát nước thải:

+ Khu nhà máy và văn phòng : 2 lít/m². sàn.ngđ

+ Khu dịch vụ công nhân : 4 lít/m². sàn.ngđ

- Tổng lượng nước thải : 295 m³/ngày.

- Công suất của các mô đun xử lý (05 modul): Q = 100m³/ngày.

- Mạng lưới thoát nước: nước thải được thu gom trên các trục đường chính khu quy hoạch có đường kính Ø300 về trạm xử lý nước thải cục bộ (mô đun) có công suất Q = 100 m³/ngày.đêm, diện tích xây dựng S = 100 m², được xây dựng kín không mùi. Độ sâu đặt công tối thiểu là 0,7m tính từ mặt đất đến đỉnh công.

b) Xử lý chất thải rắn:

- Tiêu chuẩn chất thải rắn: 0,5 tấn/ha/ngày.

- Tổng lượng chất thải rắn: 20,91 tấn/ngày.

- Phương án thu gom và xử lý chất thải rắn: chất thải rắn được thu gom và đưa đến trạm ép rác kín, sau đó vận chuyển về khu liên hợp xử lý chất thải rắn thành phố.

8.6. Quy hoạch thông tin liên lạc:

- Nhu cầu phát triển viễn thông được xác định theo nhu cầu của từng nhà máy.

- Mạng lưới thông tin liên lạc xây dựng ngầm.

8.7. Đánh giá môi trường chiến lược:

- Các giải pháp quy hoạch và giải pháp kỹ thuật nhằm giảm thiểu và khắc phục các tác động và diễn biến môi trường đã được nhận diện:

+ Bố trí hành lang cây xanh dọc tuyến đường Lê Văn Chí thuộc khu quy hoạch

+ Bố trí nhà clo, nhà hóa chất thuận tiện và có khoảng cách ly với các công trình xung quanh và xa khu hành chánh, dịch vụ và khu dịch vụ công nhân.

+ Xây dựng quy trình vận hành hợp lý, khoa học để hạn chế tối đa lượng nước thải bỏ ra môi trường xung quanh.

+ Nước mưa tràn trên mặt đất nhà máy xử lý được thu gom vào hệ thống cống thoát nước, sau đó được đổ vào hệ thống thoát nước chung của nhà máy.

+ Nước sinh hoạt chỉ có ở nhà vệ sinh đặt tại nhà quản lý. Nước sẽ được xử lý trong hầm tự hoại có ngăn lọc, sau đó được dẫn ra cống thoát nước của nhà máy.

+ Để giảm thiểu ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân xung quanh khu xử lý bùn, áp dụng biện pháp sau: các thiết bị hoạt động trong nhà máy có máy tách nước ly tâm và trạm bơm, xe tải chở bùn, sạch phát ra tiếng ồn, vì vậy quá trình vận hành nhà máy, phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định và điều kiện vận hành, bảo trì các thiết bị.

8.8. Bản đồ tổng hợp đường dây đường ống:

Việc bố trí, sắp xếp đường dây, đường ống kỹ thuật có thể thay đổi trong các bước triển khai thiết kế tiếp theo (thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật thi công của dự án) đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

9. Các điểm lưu ý khác:

- Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về dây chuyền công nghệ, đảm bảo hoạt động Khu xử lý nước thải và khu xử lý bùn thải.

Điều 2. Trách nhiệm của các đơn vị có liên quan

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức, Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH Một thành viên và đơn vị tư vấn khảo sát, lập bản đồ hiện trạng chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu đánh giá hiện trạng trong hồ sơ, bản vẽ đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu đất thuộc khuôn viên nhà máy nước Thủ Đức, phường Linh Trung, quận Thủ Đức.

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được phê duyệt, cơ quan có trách nhiệm công bố công khai quy hoạch đô thị cần phải công bố công khai nội dung đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu đất thuộc khuôn viên nhà máy nước Thủ Đức, phường Linh Trung, quận Thủ Đức theo quy định.

- Công tác cắm mốc giới theo nội dung đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu đất thuộc khuôn viên nhà máy nước Thủ Đức, phường Linh Trung, quận Thủ Đức cần được tổ chức thực hiện theo Thông tư số 10/2016/TT-BXD ngày 15 tháng 03 năm 2016 của Bộ Xây dựng và Quyết định số 19/2014/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định về cắm mốc giới theo quy hoạch đô thị tại thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Quyết định này đính kèm bản vẽ, quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu đất thuộc khuôn viên nhà máy nước Thủ Đức, phường Linh Trung, quận Thủ Đức, thuyết minh tổng hợp và các bản vẽ quy hoạch được nêu tại khoản 4, Điều 1 Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thủ trưởng các sở - ban - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Linh Trung và Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH Một thành viên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TTUB: CT, PCT/ĐT;
- VPUB: CVP, PVP/ĐT;
- Phòng ĐT;
- Lưu: VT, (ĐT-N) HI 20

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Vĩnh Tuyền